**KHAI THÁC THÔNG TIN TRONG CSDLQG VỀ DC TẠI CẤP XÃ**

|  |  |
| --- | --- |
| **1** | **Trình tự thực hiện** |
| **Bước 1:** Cơ quan, tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.  **Bước 2:** Nộp hồ sơ tại Công an xã, phường, thị trấn.  **Bước 3:** Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ đầy đủ hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy hẹn trả kết quả.  - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do.  **Bước 4:** Cơ quan, tổ chức nhận văn bản trả lời tại Công an xã, phường, thị trấn hoặc qua đường chuyển phát đến địa chỉ theo yêu cầu. |
| **2** | **Cách thức thực hiện** |
| Trực tiếp tại Công an cấp xã  Thời gian: Từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày nghỉ lễ, tết). |
| **3** | **Thành phần hồ sơ** |
| **1.** Văn bản đề nghị khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Trong đó nêu rõ lý do cần khai thác, sử dụng thông tin, thời gian khai thác thông tin cần khai thác và cam đoan về việc chịu trách nhiệm trong sử dụng thông tin khi được cung cấp)  **2.** Các loại giấy tờ hợp lệ chứng minh thông tin công dân đến nộp hồ sơ |
| **4** | **Số lượng hồ sơ** |
| 01 (một) bộ. |
| **5** | **Thời hạn giải quyết** |
| 03 ngày làm việc |
| **6** | **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính** |
| Công dân đăng ký thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn quản lý |
| **7** | **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính** |
| Công an xã, phường, thị trấn |
| **8** | **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính** |
| Văn bản thông báo kết quả khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. |
| **9** | **Lệ phí** |
| Chưa quy định |
| **10** | **Mẫu đơn, mẫu tờ khai** |
| Chưa quy định |
| **11** | **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính** |
| Không |
| **12** | **Căn cứ pháp lý** |
| **1.** Luật căn cước công dân ngày 20 tháng 11 năm 2014.  **2.** Nghị định số 137/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân.  **3.** Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân.  **4.** Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021.  **5.** Quyết định số 5947/QĐ-BCA-C06 ngày 19/7/2021 của Bộ Công an về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực cấp, quản lý Căn cước công dân và lĩnh vực cấp, quản lý Chứng minh nhân dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an.  **6.** Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân. |